

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2588/UBND-CN

Đắk Lắk, ngày 16 tháng 10 năm 2014

V/v quy hoạch phát triển
mạng lưới kinh doanh
xăng dầu và khí dầu mỏ
hóa lỏng trên địa bàn tỉnh


Kính gửi:

- Sở Công Thương;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

UBND tỉnh nhận được Công văn số 1591/SKHĐT-KTN ngày 08/10/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Công văn số 798/SCT-QLTM ngày 16/7/2014 của Sở Công Thương, về việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2025; UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Thông nhất với nội dung báo cáo, đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn trên (có bản sao kèm theo). Sở Công Thương căn cứ tình hình thực tế, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cục bộ quy hoạch trên cho phù hợp, đúng quy định (không lập dự án điều chỉnh hoặc quy hoạch mới)./.TM

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CN. (HT.16) 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Dhãm Ênuôi

**UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **15243** /SKHĐT-KTN
V/v chủ trương điều chỉnh, bổ sung quy
hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh
xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng trên địa
bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015 – 2020
và định hướng đến năm 2025

Đắk Lắk, ngày **08** tháng 10 năm 2014

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK

Số: **15243**

ĐẾN

Ngày **9.10.14**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

Chuyên: **Sở Kế hoạch và Đầu tư** nhận được Công văn số 798/SCT-QLTM ngày 16/7/2014 của Sở Công thương về việc đăng ký quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2025. Sau khi nghiên cứu hồ sơ liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

Căn cứ Nghị định 04/2008/NĐ-CP, ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Thông tư 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu. Theo đó, việc điều chỉnh quy hoạch được tiến hành khi mục tiêu và phương hướng phát triển thay đổi, thời hạn xem xét điều chỉnh định kỳ là 05 năm/lần. Đối với Quy hoạch phát triển ngành nghề kinh doanh có điều kiện và hạn chế kinh doanh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 – 2015, xét đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt ngày 13/12/2010, thời hạn thực hiện đến nay mới 04 năm.

Do vậy, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị UBND tỉnh tạm thời chưa cho chủ trương điều chỉnh quy hoạch nói trên. Trước mắt, để tạo điều kiện cho việc phát triển thương mại dịch vụ trên địa bàn tỉnh trong trường hợp các tổ chức, cá nhân có nhu cầu xin mở các điểm kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng đối với những điểm không có trong quy hoạch. Đề nghị UBND tỉnh giao cho Sở Công thương phối hợp với các Sở, ngành liên quan để tham mưu UBND tỉnh cho điều chỉnh bổ sung cục bộ, để đảm bảo thủ tục theo quy định.

Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định. *vu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Công thương;
- GD, PGD Sở (Đ/c Chu);
- Lưu VT, KTN.

K. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Hồ Vinh Chu

Số: 798 /SCT-QLTM

V/v đăng ký quy hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2025.

Đắk Lắk, ngày 16 tháng 7 năm 2014

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Công Thương nhận được Công văn số 812/SKHĐT-KTN, ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk, về việc chủ trương lập dự án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển ngành nghề kinh doanh có điều kiện và hạn chế kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hoá lỏng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015 – 2020 và định hướng đến năm 2025.

Sở Công Thương đã triển khai thực hiện Quyết định số 3227/QĐ-UBND, ngày 13/12/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk, đề Sở Kế hoạch và Đầu tư có cơ sở tham mưu cho Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc ra chủ trương cho triển khai lập dự án rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển ngành nghề kinh doanh có điều kiện và hạn chế kinh doanh, xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025.

1. Lý do đề nghị xin chủ trương lập quy hoạch mới.

Dự án Quy hoạch phát triển ngành nghề kinh doanh có điều kiện và hạn chế kinh doanh, được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt tại Quyết định số 3227/QĐ-UBND, ngày 13/12/2010, quy hoạch đối với 5 ngành hàng, trong đó có mặt hàng xăng dầu và khí đốt hóa lỏng (gas), giai đoạn triển khai 2010 - 2015. Đến nay đã là năm 2014, sắp hết thời hạn thực hiện quy hoạch. Trong khi mặt hàng xăng dầu, khí dầu mỏ hoá lỏng là những mặt hàng có tác động rất lớn không chỉ đến sự phát triển nền kinh tế của tỉnh, mà còn có ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống xã hội và nhiều mặt hoạt động khác trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Để tiếp tục cố sự quản lý tốt đối với sự phát triển các mặt hàng này trong những năm tiếp theo, đảm bảo phù hợp với sự phát triển của các lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới 2015 - 2020, thì cần phải lập quy hoạch mới ngay từ lúc này, trên cơ sở rà soát bổ sung quy hoạch trước đây.

Dự án Quy hoạch phát triển ngành nghề kinh doanh có điều kiện và hạn chế kinh doanh được lập năm 2009 mặc dù có dự báo một số chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2020. Nhưng, các chỉ tiêu quy hoạch tầm nhìn cho giai đoạn 2015 - 2020 đến nay không còn phù hợp, một phần do tính chủ quan của các chuyên gia và phương pháp dự báo với một giai đoạn dự báo quá dài (10 năm) sẽ thiếu chính xác, phần khác do sự thay đổi của các yếu tố khách quan liên quan đến kết quả dự báo như: dân số của tỉnh (theo dự báo đến 2015 là 1.960 ngàn người, cơ cấu các ngành kinh tế (theo dự báo cơ cấu ngành NLN-CNXD-TMDV đến 2015 tương ứng là 35%-36%; 27%-28%; 36%-37%, thực tế năm 2014 khoảng..) và số lượng các phương tiện lưu

thông; tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa; ... cũng đã có nhiều thay đổi so với dự báo tại thời điểm lập điều chỉnh quy hoạch năm 2010. Vì vậy mà kết quả dự báo hay các chỉ tiêu quy hoạch cho giai đoạn 2015 - 2020 đã không còn phù hợp.

Bên cạnh đó do sự thay đổi một số chính sách quản lý, các quy định đối với các hoạt động kinh doanh hai mặt hàng xăng dầu và gas như: bộ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu vừa được Bộ Công thương ban hành theo Thông tư số 01/2013/TT-BCT, ngày 18 tháng 6 năm 2013; bộ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN: 07:2010/BXD - 2010 vừa được Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BXD, ngày 05 tháng 02 năm 2010; Nghị định số 118/2011/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng; Thông tư số 36/2009/TT-BCT, ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Bộ Công Thương.

Ngoài ra các điểm kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng được Quy hoạch là 559 điểm, đến thời điểm này là 351 điểm. Tuy vậy địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột hiện nay đã vượt so với Quy hoạch (Quy hoạch là 103 điểm nhưng thực tế là 108). Điểm Quy hoạch cửa hàng xăng dầu, do nhu cầu phát triển kinh tế và mở rộng chung của tỉnh tại một số địa bàn, số lượng các điểm kinh doanh xăng dầu tại một số địa bàn có nhu cầu tăng cao so với định hướng Quy hoạch cụ thể: địa bàn xã Cư Ea Bur, đoạn đường tránh, phường Thành Nhất, Tp Buôn Ma Thuột; xã Cư Pui, huyện Krông Bông; xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn; xã Cư San, huyện M'Đrăk; xã Dray Sáp, huyện Krông Ana... cũng đặt ra yêu cầu cần có các điều chỉnh trong quy hoạch đối với hệ thống cửa hàng kinh doanh các mặt hàng này.

Giai đoạn 2015 - 2020 tới đây là định kỳ 5 năm rà soát, điều chỉnh nhiều các dự án quy hoạch của tỉnh có ảnh hưởng đến quy hoạch mặt hàng xăng dầu và gas như: quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của tỉnh; quy hoạch các ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp; quy hoạch đô thị; quy hoạch giao thông; quy hoạch xây dựng nông thôn mới; ... Vấn đề này cũng đặt ra yêu cầu cần có những điều chỉnh quy hoạch đối với mặt hàng kinh doanh xăng dầu và gas, nhằm đảm bảo phù hợp với các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác của tỉnh trong thời kỳ mới.

Từ những phân tích trên cho thấy việc cần thiết phải lập mới quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng (gas) cho giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, nhằm định hướng tốt hơn công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan hữu quan, đồng thời đảm bảo phù hợp với sự phát triển của các ngành kinh tế - xã hội, phù hợp với nhu cầu tiêu dùng của xã hội và phù hợp với các quy định của pháp luật trong giai đoạn mới.

2. Kết quả thực hiện theo Quyết định 3327/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Nhìn chung, qua 4 năm thực hiện quy hoạch hệ thống điểm kinh doanh mặt hàng xăng dầu và gas cơ bản được bố trí theo quy hoạch, nhưng số lượng các điểm kinh doanh chi tiết theo từng địa bàn không được thực hiện đúng theo quy hoạch, nguyên nhân của vấn đề này do việc dự báo quy hoạch đã không đúng so với các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội thực tế ở mỗi địa phương.

Stt	Chỉ tiêu quy hoạch đến năm 2015	Quy hoạch	Thực hiện
1	Số cửa hàng xăng dầu xây dựng mới toàn tỉnh	156	100
2	Số cửa hàng xăng dầu phải giải tỏa và di dời toàn tỉnh	34	15
3	Số điểm kinh doanh gas chia theo địa bàn	559	351

(Chi tiết kết quả thực hiện quy hoạch theo Quyết định 3327/QĐ-UBND, có phụ lục kèm theo.)

Sở Công thương đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho chủ trương lập mới quy hoạch./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu VT, QLTM *quy*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Nghiêm

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 798./SCT-QLTM, ngày 16 tháng 07 năm 2014)

Biểu 01: Kết quả thực hiện theo quy hoạch xăng dầu theo Quyết định 3227/QĐ-UBND.

STT	ĐỊA BÀN	Số điểm KD hiện có 2009	Tổng số sau quy hoạch đến 2020			Thực hiện đến 2014
I	TP Buôn Ma Thuột	64	15	-	79	
1	Phường Tự an	3	0	-	3	3
2	Phường Thống nhất	0	0	-	0	0
3	Phường Thành nhất	4	0	-	4	4
4	Phường Thắng lợi	0	1	2	2	0
5	Phường Thành công	0	0	-	0	0
6	Phường Tân lập	5	0	-	5	5
7	Phường Tân tiến	2	1	-	3	2
28	Phường Ea tam	3	0	-	2	2
9	Phường Tân thành	1	1	-	2	2
10	Phường Khánh xuân	7	1	-	8	8
11	Phường Tân hoà	3	0	-	3	3
12	Phường Tân lợi	1	1	2	3	2
13	Phường Tân an	8	2	-	10	10
14	Xã Ea kao	4	1	2	6	5
15	Xã Ea tu	5	1	2	7	6
16	Xã Hoà thuận	3	0	0	2	2
17	Xã Hoà thắng	5	1	-	6	5
18	Xã Hoà khánh	3	1	-	4	4
19	Xã Hoà phú	4	1	-	4	4
20	Xã Hoà xuân	1	1	2	3	1
21	Xã Cư Êbur	2	1	-	3	3
II	Huyện Krông Buk	21	21	-	41	
1	Xã Cư Né	5	2	3	8	7
2	Xã Cư Pong	2	2	3	5	3
3	Xã Ea Sin	0	2	3	3	0
4	Xã Cư Pô	2	1	2	4	3
5	Xã Ea Ngai	2	1	2	4	2
6	Xã Pong Drang	8	1	-	9	9
7	Xã Tân Lập	1	2	3	4	1
III	TX Buôn Hồ	34	12	-	43	
1	Xã Ea Drông	3	1	2	5	4
2	P. Bình Tân	1	0	-	1	1
3	P. An Bình	1	1	2	2	1
4	P. An Lạc	2	1	2	3	2
5	P. Thiện An	2	0	-	0	2
6	P. Đạt Hiếu	2	1	-	3	2
7	P. Đoàn Kết	1	1	2	3	1
8	P. Thống Nhất	7	0	-	7	7
9	Xã Bình Thuận	4	1	-	5	4
10	Xã Ea Blang	4	0	-	4	4
11	Xã Cư Bao	2	1	-	3	3

STT	ĐỊA BÀN	Số điểm KD hiện có 2009	Tổng số sau quy hoạch đến 2020			Thực hiện đến 2014
12	Xã Ea Siên	5	1	2	7	5
IV	Huyện Krông Năng	53	26	-	76	
1	Thị trấn Krông Năng	7	2	3	9	8
2	Xã Ea Hồ	6	1	2	7	6
3	Xã Phú Xuân	4	1	-	5	5
4	Xã Diêya	5	2	3	7	6
5	Xã Ea Toh	9	2	3	12	9
6	Xã Ea Tam	6	2	3	9	6
7	Xã Tam Giang	3	1	-	4	3
8	Xã Phú Lộc	4	1	-	5	4
9	Xã Ea Tân	5	2	3	8	5
10	Xã Cư Klông	2	1	2	4	2
11	Xã Ea Dah	1	1	2	3	2
12	Xã Ea Puk	1	1	2	3	2
V	Huyện Krông Pắc	40	14	-	51	
1	Thị trấn Phước An	5	1	2	6	6
2	Xã Ea Knuéc	2	1	-	3	2
3	Xã Ea Kênh	3	1	-	4	4
4	Xã Ea Yông	2	0	-	2	2
5	Xã Hoà An	3	1	-	4	3
6	Xã Ea Uy	0	0	-	1	0
7	Xã Krông Buk	2	0	-	2	2
8	Xã Ea Hiu	0	1	-	1	0
9	Xã Hoà Tiến	2	0	-	2	2
10	Xã Ea Kuang	2	1	-	3	2
11	Xã Ea Yiêng	0	1	-	1	0
12	Xã Ea Phê	9	1	2	10	9
13	Xã Tân Tiến	2	1	-	3	2
14	Xã Hoà Đông	2	1	-	3	3
15	Xã Vụ Bôn	2	1	-	3	3
16	Xã Ea Kly	4	0	-	4	4
VI	Huyện Krông Ana	33	06	-	38	
1	Thị trấn Buôn Tráp	10	0	-	10	10
2	Xã Bình Hoà	3	1	-	4	4
3	Xã Ea Na	8	0	-	8	8
4	Xã Ea Bông	6	1	2	8	7
5	Xã Quảng Điền	3	1	-	4	3
6	Xã Băng a Drênh	2	0	-	2	3
7	Xã Dur Kmál	0	1	2	2	1
8	Xã Dray Sáp	1	1	-	1	2
VII	Huyện Cư Kuin	24	14	-	38	
1	Xã Hoà Hiệp	6	1	-	7	6
2	Xã Ea Tiêu	1	1	2	3	2
3	Xã Ea Ktur	8	1	-	9	9
4	Xã Ea Bhók	3	1	2	5	4
5	Xã Ea Hu	1	1	-	2	1
6	Xã Cư Êwi	1	1	-	2	1
7	Xã Ea Ning	4	4	-	8	5

STT	ĐỊA BÀN	Số điểm KD hiện có 2009	Tổng số sau quy hoạch đến 2020			Thực hiện đến 2014
8	Dray Bhang	0	1	2	2	0
VIII	Huyện Krông Bông	9	11	-	20	
1	Thị trấn Krông K'mar	3	1	-	4	3
2	Xã Khuê Ngọc điện	0	1	-	1	0
3	Xã Hòa Sơn	1	0	-	1	1
4	Xã Ea Trul	0	1	-	1	1
5	Xã Hoà Thành	0	1	-	1	0
6	Xã Cư Kty	1	0	-	1	1
7	Xã Yang Mao	0	1	-	1	0
8	Xã Hòa Tân	0	1	-	1	0
9	Xã Hòa Lễ	0	1	2	2	1
10	Xã Hoà Phong	1	0	-	1	1
11	Xã Cư Pui	0	1	-	1	1
12	Xã Cư Drăm	1	1	-	2	1
13	Xã Dang Kang	1	0	-	1	1
14	Xã Yang Reh	1	1	-	2	1
IX	Huyện Ea H'leo	40	12	-	50	
1	Thị trấn EaĐ'rang	8	1	-	8	8
2	Xã Ea Khâl	4	1	-	5	5
3	Xã Cư Amung	0	0	-	0	0
4	Xã Ea Hleo	5	1	-	6	5
5	Xã Ea Wy	3	1	2	5	4
6	Xã Cư Mốt	2	1	2	4	2
7	Xã Ea Ral	5	0	-	3	5
8	Xã Ea Sol	2	1	-	3	3
9	Xã Dliê Yang	5	0	-	5	5
10	Xã Ea Hiao	3	1	2	5	3
11	Xã Ea Nam	3	1	2	5	3
12	Xã Ea Tih	0	1	-	1	0
X	Huyện Ea Kar	27	25	-	47	
1	Thị trấn Ea Kar	2	2	-	4	3
2	Thị trấn Ea K'nốp	4	1	2	6	5
3	Xã Xuân Phú	1	1	2	3	1
4	Xã Cư Huê	1	1	2	3	1
5	Xã Ea Dar	4	1	-	5	6
6	Xã Ea Kmut	1	1	-	2	2
7	Xã Cư Ni	3	1	2	5	5
8	Xã Ea Tih	2	1	-	3	2
9	Xã Ea Pâl	2	1	-	3	2
10	Xã Cư Jang	1	1	-	2	2
11	Xã Ea Ô	3	1	-	4	3
12	Xã Ea Sô	1	1	-	2	1
13	Xã Cu Bông	0	1	-	1	1
14	Xã Cu Prông	0	1	-	1	1
15	Xã Ea Sar	1	1	-	2	2
16	Xã Cư ELang	1	1	2	3	2
XI	Huyện Ea Súp	11	9	-	20	

STT	ĐỊA BÀN	Số điểm KD hiện có 2009	Tổng số sau quy hoạch đến 2020			Thực hiện đến 2014
1	Thị trấn Ea Sup	4	0	-	4	4
2	Xã Ea Bung	0	1	-	1	1
3	Xã Ea Lê	2	0	-	2	2
4	Xã Cư K'bang	0	1	2	2	0
5	Xã Ia Lốp	0	1	-	1	0
6	Xã Ea Rôk	2	1	-	3	2
7	Xã Ya Tờ môt	1	1	2	3	2
8	Xã Cư M'lan	0	0	-	0	0
9	Xã Ia Lôi	1	1	-	2	1
10	Xã Ia Rvê	1	1	-	2	1
XII	Huyện Lắk	8	6	-	14	
1	Thị trấn Liên Sơn	2	0	-	2	2
2	Xã Buôn Tría	1	0	-	1	1
3	Xã Đăk Liêng	1	0	-	1	1
4	Xã Yang Tao	0	0	-	0	0
5	Xã Đăk Phoi	0	1	-	1	0
6	Xã Bông Krang	1	1	-	2	1
7	Xã Krông Nô	2	1	-	3	2
8	Xã Buôn Triết	1	0	-	1	1
9	Xã Đăk Nuê	0	1	-	1	1
10	Xã Nam Ka	0	1	-	1	1
11	Xã Ea R'bin	0	1	-	1	1
XIII	Huyện M'drăk	6	10	-	16	
1	Thị trấn M'drăk	1	0	-	1	1
2	Xã Cư M'ta	1	1	-	2	1
3	Xã Cư Kroá	0	0	-	0	0
4	Xã Ea Trang	0	1	-	1	1
5	Xã Krông Jin	1	1	2	3	2
6	Xã Krông Á	0	1	-	1	0
7	Xã Ea Pìl	1	1	-	2	2
8	Xã Ea Riêng	1	1	-	2	1
9	Xã Ea H'mlay	0	0	-	0	0
10	Xã Ea M'đoal	0	1	-	1	1
11	Xã Ea Lai	0	1	-	1	0
12	Xã Cư P'rao	1	0	-	1	1
13	Xã Cư San	0	1	-	1	2
XIV	Huyện Cư M'gâr	45	44	-	88	
1	Thị trấn Ea Pôk	4	2	3	7	4
2	Thị trấn Quảng phú	5	1	2	7	5
3	Xã Ea Tul	3	2	3	6	3
4	Xã Ea H'đing	3	2	3	6	4
5	Xã Cuôr Đâng	4	1	2	6	5
6	Xã Ea D'rong	1	2	3	4	1
7	Xã Ea Kpam	3	2	3	6	3
8	Xã Cư M'gar	4	1	2	5	5
9	Xã Cư Suê	3	1	2	5	3
10	Xã Ea M'nang	2	2	3	5	2
11	Xã Quảng Tiến	2	2	3	5	2

STT	ĐỊA BÀN	Số điểm KD hiện có 2009	Tổng số sau quy hoạch đến 2020			Thực hiện đến 2014
			2	3	4	
12	Xã Ea M'drôh	1	2	3	4	1
13	Xã Ea Kiết	1	2	3	4	1
14	Xã Ea Tar	1	1	2	3	1
15	Xã Cư Dliê M'nông	4	1	2	6	4
16	Ea Kuêh	1	2	3	4	2
17	Xã Quảng Hiệp	3	1	2	5	4
XV	Huyện Buôn đôn	16	8	-	21	
1	Xã Ea Wer	2	1	-	3	3
2	Xã Krông Ana	1	1	2	3	2
3	Xã Ea Nuôl	2	1	-	3	4
4	Xã Ea Huar	0	1	2	2	0
5	Xã Ea Bar	5	1	-	5	5
6	Xã Tân Hoà	3	1	-	3	3
7	Xã Cuôr Knia	3	0	-	2	3
	TỔNG CỘNG	432	233	-	642	

**Biểu 02: Kết quả thực hiện theo quy hoạch khí dầu mỏ hóa lỏng
theo Quyết định 3227/QĐ-UBND.**

Stt	Địa bàn	Số điểm kinh doanh QH				Thực hiện 2014
		2009	2010	2015	2020	
1	Thành phố BMT	84	97	103	109	108
2	Buôn Đôn	5	19	20	21	13
3	Cư M'gar	25	49	52	55	36
4	Ea H'leo	12	36	38	40	22
5	Ea Kar	24	43	45	48	24
6	Ea Súp	3	17	18	19	5
7	Cư Kuin	8	31	33	35	13
8	Krông Ana	8	25	27	28	18
9	Krông Bông	11	27	28	30	7
10	Krông Buk	7	16	17	18	14
11	T.Xã Buôn Hồ	15	31	33	34	12
12	Krông Năng	20	36	38	40	21
13	Krông Păk	29	62	66	70	35
14	Lăk	10	19	20	21	17
15	M'Đrăk	9	20	21	22	6
	TỔNG CỘNG	270	528	559	590	351